TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2021
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H (tên gọi khác: Đặng Thị M); cư trú tại thôn M, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T; cư trú tại thôn M, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị H trình bày:

Bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi tổ chức đám cưới, bà và ông T chung sống cùng nhau tại gia đình ông T ở thôn M, xã B, huyện An Dương. Quá trình chung

sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra cãi, chửi nhau. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay bà Đặng Thị H đề nghị Toà án không công nhận bà và ông Lê Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T có 03 con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị T1 – sinh năm 1997 và Lê Văn T2 - sinh năm 1999. Các con chung đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Đặng Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về thời gian chung sống, điều kiện chung sống và nơi chung sống của ông Lê Văn T và bà Đặng Thị H như bà H đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra cãi chửi nhau; ông và bà H đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay, không ai còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay bà Đặng Thị H khởi kiện tại Tòa án, ông Lê Văn T có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H, đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Đặng Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Đặng Thị H có các con chung như bà Đặng Thị H đã trình bày. Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông Lê Văn T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T là vợ chồng; về con chung: Các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị T1 – sinh năm 1997 và Lê Văn T2 - sinh năm 1999 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống; về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự:

[1] Bị đơn, ông Lê Văn T có nơi cư trú tại thôn M, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Dương. Ông Lê Văn T có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993. Tại thời điểm chung sống, bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T là vợ chồng.

[3] Vì vậy, việc bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án không công nhận bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Trong quá trình chung sống, bà Đặng Thị H và ông Lê Văn T có các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị T1 – sinh năm 1997 và Lê Văn T2 - sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

- Về tài sản:

[5] Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Bà Đặng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; các điều 39, 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 9, 14, 15 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị H (tên gọi khác: Đặng Thị M) và ông Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị T1 – sinh năm 1997 và Lê Văn T2 - sinh năm 1999 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Đặng Thị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (theo Biên lai thu tiền số 0013178 ngày 14 tháng 5 năm 2021) nên không phải nộp nữa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch